

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Định hướng: Nghiên cứu

Mã số: 8380101.03

(Ban hành theo Quyết định số 871/QĐ-ĐHQGHN, ngày 27 tháng 3 năm 2019  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật hình sự và tố tụng hình sự
  - + Tiếng Anh: Criminal Law and Criminal Procedure Law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.03
- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật
  - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
  - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ luật chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức lí luận toàn diện, chuyên sâu và hiện đại về khoa học pháp lí hình sự, có năng lực, kĩ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kĩ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nâng cao và chuyên sâu ở bậc thạc sĩ về

chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, gồm: khoa học Luật hình sự; khoa học Luật tố tụng hình sự; kiến thức cơ bản về Tội phạm học; phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí. Chương trình cũng nhằm trang bị cho người học tư duy pháp lí mang tính hệ thống để có thể giải quyết các công việc chuyên môn từ đơn giản tới phức tạp một cách chính xác và hiệu quả nhất.

#### *2.2.2. Về kĩ năng*

Trên cơ sở định hướng nghiên cứu, chương trình đào tạo chú ý đến mục tiêu trang bị và hướng dẫn người học nâng cao các kĩ năng hoạt động nghề nghiệp và kĩ năng bổ trợ, bao gồm: Kĩ năng tra cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lí trong lĩnh vực Tư pháp hình sự; Kĩ năng viết và trình bày, làm báo cáo; Kĩ năng tư vấn, giáo dục pháp luật; Kĩ năng tổng hợp và xử lí thông tin; Kĩ năng thuyết trình, thuyết phục; Kĩ năng làm việc độc lập; Kĩ năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

#### *2.2.3. Về năng lực*

Với những kiến thức, kĩ năng đã trang bị cho người học, chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để đảm nhận những cương vị công tác như: nghiên cứu, tư vấn, quản lí hoặc công tác thực tiễn tại các cơ quan bảo vệ pháp luật (Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Cơ quan thi hành án hình sự) và Tòa án; hoặc các cơ quan có liên quan đến các lĩnh vực giảng dạy - nghiên cứu như các trường đại học, viện nghiên cứu; hoặc các cơ quan xây dựng, áp dụng hoặc thực thi pháp luật như các cơ quan của chính phủ, hay các công ty luật; hoặc các tổ chức quốc tế.

#### *2.2.4. Về phẩm chất đạo đức*

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu hình thành hoặc phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật hình sự và tố tụng hình sự

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### ***3.1. Hình thức tuyển sinh***

Thi tuyển với các môn sau:

- Môn thi Cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Lí luận chung về Nhà nước và pháp luật
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung

Quốc.



### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của ĐHQGHN và của Khoa Luật.

### **3.3. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp**

3.3.1. *Ngành đúng:* Luật;

3.3.2. *Danh mục ngành phù hợp*

- Luật kinh tế, Luật quốc tế, Luật kinh doanh, Luật thương mại quốc tế.

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

- Vận dụng thể giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;
- Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu khoa học, viết và bảo vệ luận văn tốt nghiệp cũng như trong các hoạt động chuyên môn sau khi kết thúc khóa học;
- Vận dụng kiến thức cơ sở để giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo;
- Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành, đặc biệt là những kiến thức lí luận và thực tiễn chuyên sâu trong lĩnh vực Tư pháp hình sự, bao gồm các vấn đề trong khoa học luật hình sự (như: tội phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt, chính sách hình sự, định tội danh và quyết định hình phạt...), khoa học Luật tố tụng hình sự (như: các nguyên tắc của tố tụng hình sự, chứng cứ và chứng minh, các cơ quan tiến hành tố tụng, chính sách pháp luật tố tụng hình sự...) cũng như kiến thức cơ bản của Tội phạm học (như: tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, kiểm soát xã hội đối với tội phạm, các biện pháp phòng ngừa tội phạm...), tư duy pháp lí hệ thống để giải quyết các công việc có liên quan tới luật hình sự và tố tụng hình sự;
- Viết và bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp. Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra; góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự;
- Phân tích, đánh giá, phản biện các quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước về luật hình sự và tố tụng hình sự;



- Vận dụng kiến thức lí thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;
- Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn (năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam).

## **2. Về kĩ năng**

### **2.1. Kĩ năng nghề nghiệp**

- Áp dụng đúng các quy định về luật hình sự và tổ tụng hình sự để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác; tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn; hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;
- Phân tích, tổng hợp, đánh giá, dự báo các vấn đề pháp lí và thực tiễn liên quan đến luật hình sự và tổ tụng hình sự; so sánh lí luận và kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài, rút ra các bài học có thể áp dụng vào điều kiện của Việt Nam;
- Phát hiện vấn đề, tổ chức các hoạt động nghiên cứu; truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu; tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu những vấn đề lí luận và thực tiễn về luật hình sự và tổ tụng hình sự;
- Tư vấn về luật hình sự và tổ tụng hình sự; kiến nghị, đề xuất các vấn đề liên quan tới luật hình sự và tổ tụng hình sự cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Cập nhật các kiến thức mới và thực tiễn áp dụng pháp luật về luật hình sự và tổ tụng hình sự trong nước và quốc tế.

### **2.2. Kĩ năng bổ trợ**

- Tra cứu thông tin, tài liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo;
- Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức độ có thể hiểu và diễn đạt hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn, trình bày ý kiến và phản biện các vấn đề chuyên môn bằng ngoại ngữ.

## **3. Về phẩm chất đạo đức**

### **3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân**

- Chuẩn mực trong lời nói và hành vi;
- Cảm thông, chia sẻ khó khăn cùng người khác; thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác và khách hàng;

- Cầu thị trong học tập và lao động, chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách;

- Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

### **3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

- Tôn trọng pháp luật và công lí, tôn trọng quyền con người và nhân phẩm của tất cả mọi người, đặc biệt quan tâm bảo vệ các nhóm yếu thế; dũng cảm tham gia bảo vệ công bằng xã hội;

- Cầu tiến, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;

- Chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo, khoa học và có trách nhiệm với công việc được giao.

### **3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội**

- Tự tôn dân tộc, ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân;

- Bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

## **4. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Nghiên cứu, phát hiện, tư vấn và đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề lí luận, thực tiễn phát sinh thuộc chuyên ngành đào tạo; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được các kết luận đó;

- Thích nghi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hướng dẫn người khác phát triển về năng lực chuyên môn;

- Xây dựng, thẩm định kế hoạch, quản lí hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

## **5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kĩ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an và Tòa án; Công tác tại các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội; Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội;

- Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế trong các cơ quan Nhà nước, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực luật hình sự và tố tụng hình sự;

- Nhóm 3: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật));

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

## 6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (Tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	<b>64 tín chỉ</b> , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	<b>08 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	<b>36 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i> :	<b>16 tín chỉ</b>
+ <i>Tự chọn</i> :	<b>20/40 tín chỉ</b>
- Luận văn thạc sĩ:	<b>20 tín chỉ</b>

### 2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2		Ngoại ngữ cơ bản (*) <i>Basic Foreign Languages</i>	4	35	15	10	
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>Basic English</i>					
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>Basic Russian</i>					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>Basic French</i>					
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>Basic German</i>					

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>Basic Chinese</i>					
<b>II</b>	<b>Khối kiến cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>36</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory Subjects</i>		<b>16</b>				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal research methods</i>	2	18	6	6	
4	CRL6020	Những vấn đề hiện đại về Luật hình sự <i>Modern issues on Criminal Law</i>	3	27	9	9	
5	CRL6021	Những vấn đề hiện đại về Luật tố tụng hình sự <i>Modern issues on Criminal Procedure Law</i>	3	27	9	9	
6	CRL6022	Lí luận về tội phạm <i>The theories on Crimes</i>	2	18	6	6	
7	CRL6023	Lí luận và thực tiễn về định tội danh và quyết định hình phạt <i>Theory and practice of determining the crimes and sentences</i>	2	18	6	6	
8	CRL6024	Quyền con người trong tư pháp hình sự <i>Human rights in the Criminal Justice</i>	2	18	6	6	
9	CRL6025	Chứng minh trong tố tụng hình sự <i>Proof in criminal proceedings</i>	2	18	6	6	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> <i>Optional Subjects</i>		<b>20/40</b>				
10	CRL6026	Lí luận về trách nhiệm hình sự và hình phạt <i>The theory on Criminal liability and sentences</i>	3	27	9	9	
11	CRL6027	Những vấn đề chuyên sâu về Tội phạm học <i>The intensive issues on Criminology</i>	2	18	6	6	
12	CRL6028	Lí luận về các biện pháp tha miễn trong Luật hình sự <i>The theory on the acquittal measures in Criminal Law</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
13	CRL6029	Lí luận về xét xử vụ án hình sự <i>The theory on Criminal Adjudication</i>	2	18	6	6	
14	CRL6030	Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự <i>The preventive measures in Criminal Procedure</i>	2	18	6	6	
15	CRL6031	Các nguyên tắc của Luật hình sự Việt Nam <i>The principles of Vietnam Criminal law</i>	2	18	6	6	
16	CRL6045	Luật hình sự so sánh <i>Comparative Criminal Law</i>	2	18	6	6	
17	CRL6033	Các nguyên tắc của Luật tố tụng hình sự Việt Nam <i>The principles of Vietnam Criminal Procedure</i>	2	18	6	6	
18	CRL6046	Luật hình sự trong lĩnh vực kinh tế-môi trường <i>Economic Crime and Environmental Crime in Criminal Law</i>	2	18	6	6	
19	CRL6035	Các chủ thể của tố tụng hình sự <i>The subjects of Criminal proceedings</i>	3	27	9	9	
20	CRL6036	Kiểm soát xã hội đối với tội phạm <i>Social control of crime</i>	2	18	6	6	
21	CRL6037	Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam <i>Protecting individual freedom and security by Vietnam Criminal Law</i>	2	18	6	6	
22	CRL6038	Chính sách pháp luật thi hành án hình sự <i>Policies on Criminal judgements enforcement law</i>	2	18	6	6	
23	CRL6047	Luật tố tụng hình sự so sánh <i>Comparative Criminal Procedure Law</i>	2	18	6	6	
24	CRL6040	Tòa án hình sự quốc tế <i>International Criminal Court</i>	2	18	6	6	
25	CRL6041	Các giai đoạn tố tụng hình sự <i>Stages of criminal procedure</i>	2	18	6	6	



STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
26	CRL6042	Những vấn đề lí luận và thực tiễn về khởi tố vụ án hình sự <i>Theory and practice of criminal institution</i>	2	18	6	6	
27	CRL6043	Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự <i>International Cooperation in Criminal Proceedings</i>	2	18	6	6	
28	CRL6044	Những vấn đề lí luận cơ bản về hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền <i>Fundamental theories of criminal justice system in the period of building State of Rules</i>	2	18	6	6	
<b>III</b>	<b>CRL7201</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>	<b>20</b>				
<b>Tổng cộng</b>			<b>64</b>				

**Ghi chú:** (\*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.